TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 12/3/2021
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Hữu Lộc.

+ Ông Phan Thanh Long.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020 về: *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc M, SN: 1965
  Trú tại: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh BĐ.
- Bị đơn: Bà Võ Thị X, SN: 1967
  Trú tại: Thôn T, xã C, huyện P, tỉnh BĐ.
  (Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày:*

Ông với bà Võ Thị X kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới, ra mắt bà con họ hàng vào năm 1989 nhưng đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào

ngày 30/3/1990. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài. Đến năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, ông thì đi làm nghề thầy thuốc nam thường xuyên đi làm bên ngoài nên bà X ghen tuông, chửi bới, xúc phạm danh dự của ông và cũng từ thời gian này ông bỏ đi về nhà mẹ ruột của ông ở cùng địa phương sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến ai.

Nay ông nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc, không còn tình cảm, vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Võ Thị X.

Giữa ông với bà Võ Thị X có 04 người con chung tên là Nguyễn Thị S, sinh ngày 02/9/1989, Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/5/1993, Nguyễn Thị M, sinh ngày 25/8/1995 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/8/1998. Các con hiện nay sức khỏe đều bình thường, đã lao động tự nuôi sống bản thân và đã đủ 18 tuổi nên khi ly hôn ông không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Võ Thị X trình bày:*

Bà với ông Nguyễn Ngọc M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tổ chức lễ cưới, ra mắt bà con họ hàng vào năm 1989 nhưng đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 30/3/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ nguyên nhân do ông M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng nên cũng từ thời gian này vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nhưng vì bà với ông M tuổi đã lớn, vì thể diện gia đình và vì các con nên bà không đồng ý ly hôn ông M.

Giữa bà với ông Nguyễn Ngọc M có 04 người con chung tên là Nguyễn Thị S, sinh ngày 02/9/1989, Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/5/1993, Nguyễn Thị M, sinh ngày 25/8/1995 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/8/1998. Các con hiện nay sức khỏe đều bình thường, đã lao động tự nuôi sống bản thân và đã đủ 18 tuổi nên khi ly hôn bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- Chứng cứ nguyên đơn cung cấp: Bản photo giấy chứng nhận kết hôn, bản photo sổ hộ khẩu, giấy chứng minh nhân dân ông M, bà X.

- Bị đơn giao nộp cho tòa: Bị đơn không có chứng cứ giao nộp cho tòa và đã tiếp cận chứng cứ nguyên đơn giao nộp.

- Chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản ghi lời khai ông M, bà X; biên bản xác minh tại Tư pháp xã C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Ông Nguyễn Ngọc M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Võ Thị X. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của ông M được Tòa án chấp nhận.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Ông Nguyễn Ngọc M với bà Võ Thị X tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức lễ cưới, ra mắt bà con họ hàng vào năm 1989 nhưng đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện P vào ngày 30/3/1990 nên quan hệ hôn nhân giữa ông M với bà X được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc M trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc được một thời gian dài. Đến năm 2016 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bà X ghen tuông, chửi bới, xúc phạm danh dự của ông và cũng từ thời gian này ông bỏ đi về nhà mẹ ruột của ông ở cùng địa phương sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không quan tâm đến ai. Nay ông nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng sống không hạnh phúc, không còn tình cảm, vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng không có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Võ Thị X.

Đối với bị đơn bà Võ Thị X cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông M có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng nên từ năm 2016, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay bà nhận thấy vợ chồng mâu thuẫn nghiêm trọng, vợ chồng không còn tình cảm nhưng vì bà với ông M tuổi đã lớn, vì thể diện gia đình và vì các con nên bà không đồng ý ly hôn ông M.

Xét yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Ngọc M, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra ông Nguyễn Ngọc M với bà Võ Thị X phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau; phải có thái độ tôn trọng nhau, cùng giúp đỡ nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, ông M với bà X đã không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống do các bên bất đồng quan điểm sống, bà X nghi ngờ ông M có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Từ năm 2016 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng dẫn đến việc ông M bỏ đi về phía gia đình ông M sinh sống nhưng các bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa ông M với bà X đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Võ Thị X là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông M.

[2.3]. Về con chung:

Ông Nguyễn Ngọc M với bà Võ Thị X có 04 người con chung tên là Nguyễn Thị S, sinh ngày 02/9/1989, Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/5/1993, Nguyễn Thị M, sinh ngày 25/8/1995 và Nguyễn Thị H, sinh ngày 23/8/1998. Các con hiện nay sức khỏe đều bình thường, đã lao động tự nuôi sống bản thân và đã đủ 18 tuổi nên khi ly hôn các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung cũng như nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[2.4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc M với bà Võ Thị X đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, ông Nguyễn Ngọc M phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc M về việc yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị X.

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc M được ly hôn bà Võ Thị X.

[1.2]. Về quan hệ con chung: Các con của ông M, bà X đã đủ 18 tuổi nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ con chung.

[1.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Ông Nguyễn Ngọc M với bà Võ Thị X đều khôngyêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2]. Án phí DSST:

+ Án phí ly hôn: Ông Nguyễn Ngọc M phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Tuy nhiên, ông M đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 000..... ngày 23/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, nay được khấu trừ.

[3]. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, ông Nguyễn Ngọc M, bà Võ Thị X có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh BĐ;*
- *VKSND huyện P (02b);*
- *Chi cục THADS huyện P;*
- *UBND xã C, H. P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh